

Số: **3729** /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày **02** tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động ngừng việc của Công ty TNHH Shenghong Precision Việt Nam, Công ty TNHH OT Motor Vina, Công ty TNHH Việt Nam Hilong Tech, Công ty TNHH Sejong Paper Tube Vina do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Nhơn Trạch**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;*

*Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;*

*Căn cứ Kế hoạch số 8015/KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Theo đề nghị của UBND huyện Nhơn Trạch tại Tờ trình số 384/TTr-UBND, Tờ trình số 386/TTr-UBND, Tờ trình số 387/TTr-UBND, Tờ trình số 388/TTr-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2021; ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 745/TTr-LĐTBXH ngày 29 tháng 9 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động ngừng việc của Công ty TNHH Shenghong Precision Việt Nam, Công ty TNHH OT Motor Vina, Công ty TNHH Việt Nam Hilong Tech, Công ty TNHH Sejong Paper Tube Vina do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ, như sau:

1. Công ty TNHH Shenghong Precision Việt Nam gồm 29 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với số tiền là 29.000.000 đồng, trong đó có 07 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (07 trẻ em) với số tiền là 7.000.000 đồng và 02 người lao động đang mang thai với số tiền là 2.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 38.000.000 đồng (ba mươi tám triệu đồng chẵn).

2. Công ty TNHH OT Motor Vina gồm 53 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với số tiền là 53.000.000 đồng, trong đó có 09 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (11 trẻ em) với số tiền là 11.000.000 đồng và 01 người lao động đang mang thai với số tiền là 1.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng chẵn).

3. Công ty TNHH Việt Nam Hilong Tech gồm 24 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với số tiền là 24.000.000 đồng, trong đó có 04 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (04 trẻ em) với số tiền là 4.000.000 đồng và 02 người lao động đang mang thai với số tiền là 2.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng chẵn).

4. Công ty TNHH Sejong Paper Tube Vina gồm 07 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với số tiền là 7.000.000 đồng, trong đó có 05 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (05 trẻ em) với số tiền là 5.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng chẵn).

*(Danh sách đính kèm theo Quyết định).*

Nguồn kinh phí hỗ trợ người lao động được sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 68/NQ-CP và các nguồn huy động hợp pháp khác.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Giao UBND huyện Nhơn Trạch chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Nhơn Trạch và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Sơn Hùng**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19  
CỦA CÔNG TY TNHH SHENGHONG PRECISION VIỆT NAM, HUYỆN NHƠN TRẠCH**  
*(Đính kèm theo Quyết định số 3729 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh)*

| TT | Họ và tên                        | Phòng, ban,<br>phân xưởng làm<br>việc | Loại hợp đồng<br>lao động | Số sổ bảo<br>hiểm | Thời gian ngừng việc |                       | Số tiền<br>hỗ trợ<br>(ĐVT: đồng) | Số CMND/<br>thẻ căn cước<br>công dân |
|----|----------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|-------------------|----------------------|-----------------------|----------------------------------|--------------------------------------|
|    |                                  |                                       |                           |                   | Từ ngày<br>tháng năm | Đến ngày<br>tháng năm |                                  |                                      |
| I  | Hỗ trợ người lao động ngừng việc |                                       |                           |                   |                      |                       | 29.000.000                       |                                      |
| 1  | Cao Thị Hạnh Dung                | BP sản xuất                           | Có thời hạn               | 8923140693        | 07/07/2021           | 20/09/2021            | 1.000.000                        | 351830471                            |
| 2  | Đặng Quốc Hùng                   | BP sản xuất                           | Có thời hạn               | 7525885027        | 07/07/2021           | 20/09/2021            | 1.000.000                        | 272520246                            |
| 3  | Đặng Thị Múi                     | BP sản xuất                           | Có thời hạn               | 2020752604        | 07/07/2021           | 20/09/2021            | 1.000.000                        | 231328499                            |
| 4  | Đặng Thị Múi                     | BP sản xuất                           | Có thời hạn               | 6423232978        | 07/07/2021           | 20/09/2021            | 1.000.000                        | 231327453                            |
| 5  | Võ Thị Thông                     | BP sản xuất                           | Có thời hạn               | 5121168810        | 07/07/2021           | 20/09/2021            | 1.000.000                        | 212282146                            |

|    |                        |             |             |            |            |            |           |              |
|----|------------------------|-------------|-------------|------------|------------|------------|-----------|--------------|
| 6  | Huỳnh Hồng Nghi        | BP sản xuất | Có thời hạn | 7515057708 | 07/07/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 381456707    |
| 7  | Dương Đức Mẫn          | BP sản xuất | Có thời hạn | 7527027131 | 07/07/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 381960303    |
| 8  | Huỳnh Mai Thảo         | BP sản xuất | Có thời hạn | 9124064413 | 07/07/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 370852067    |
| 9  | Đỗ Văn Hữu             | BP sản xuất | Có thời hạn | 7911338169 | 07/07/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 363674126    |
| 10 | Nguyễn Thị Hoài Thường | BP sản xuất | Có thời hạn | 7516016600 | 07/07/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 221373139    |
| 11 | Nguyễn Thị Ánh Nguyệt  | BP sản xuất | Có thời hạn | 7516219154 | 07/07/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 044199001631 |
| 12 | Trần Thị Thủy          | BP sản xuất | Có thời hạn | 6421764108 | 07/07/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 230751742    |
| 13 | Huỳnh Thị Trà My       | BP sản xuất | Có thời hạn | 7509009699 | 07/07/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 272078251    |
| 14 | Nguyễn Thị Huệ         | BP sản xuất | Có thời hạn | 7515143163 | 07/07/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 352337025    |
| 15 | Hoàng Thị Chính        | BP sản xuất | Có thời hạn | 7915192331 | 07/07/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 241799684    |
| 16 | Châu Như Ý             | BP sản xuất | Có thời hạn | 7516140797 | 07/07/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 352593168    |



|    |                      |             |             |            |            |            |           |              |
|----|----------------------|-------------|-------------|------------|------------|------------|-----------|--------------|
| 17 | Nguyễn Thị Mơ        | BP sản xuất | Có thời hạn | 7913248902 | 07/07/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 037190004430 |
| 18 | Kpá Hờ Lộc           | BP sản xuất | Có thời hạn | 5420527328 | 07/07/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 221252018    |
| 19 | Nguyễn Thị Ánh Xuân  | BP sản xuất | Có thời hạn | 7516219153 | 07/07/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 044196001990 |
| 20 | Đàm Thị Hào          | BP sản xuất | Có thời hạn | 7412075055 | 07/07/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 285348124    |
| 21 | Lê Thị Thu           | BP sản xuất | Có thời hạn | 7416034960 | 07/07/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 381575743    |
| 22 | Nông Đàm Hương       | BP sản xuất | Có thời hạn | 7516060449 | 07/07/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 241640422    |
| 23 | Nông Đàm Sinh        | BP sản xuất | Có thời hạn | 6622406424 | 07/07/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 241938603    |
| 24 | Nguyễn Thanh Huyền   | BP sản xuất | Có thời hạn | 7415182408 | 07/07/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 221444404    |
| 25 | Nguyễn Thị Bích Thảo | BP sản xuất | Có thời hạn | 9321196549 | 07/07/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 363743167    |
| 26 | Lưu Thị Hương        | BP sản xuất | Có thời hạn | 7526696853 | 07/07/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 037191000177 |
| 27 | Nguyễn Thị Tiên      | BP sản xuất | Có thời hạn | 6221376336 | 07/07/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 233183355    |

|    |                                                            |                     |                                 |                                |                      |                                                  |                            |                                |
|----|------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------|--------------------------------|----------------------|--------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------|
| 28 | Nguyễn Thị Thúy An                                         | BP sản xuất         | Có thời hạn                     | 7916108814                     | 01/08/2021           | 20/09/2021                                       | 1.000.000                  | 366014495                      |
| 29 | Kpá Hờ Nhung                                               | BP sản xuất         | Có thời hạn                     | 5420543303                     | 01/08/2021           | 20/09/2021                                       | 1.000.000                  | 221334308                      |
| II | <b>Hỗ trợ người lao động đang nuôi con đẻ dưới 06 tuổi</b> |                     |                                 |                                |                      |                                                  |                            |                                |
| TT | Họ và tên                                                  | Số thứ tự tại mục I | Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi | Ngày tháng năm sinh của trẻ em | Họ tên vợ hoặc chồng | Số CMND/ thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng | Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng) | Số CMND/ thẻ căn cước công dân |
| 1  | Cao Thị Hạnh Dung                                          | 1                   | Bùi Ngọc Diễm My                | 10/02/2018                     | Bùi Tuấn Khanh       | 351724294                                        | 1.000.000                  | 351830471                      |
| 2  | Dương Đức Mẫn                                              | 7                   | Lê Chí Kiên                     | 30/06/2020                     | Lê Thị Oanh          | 381132545                                        | 1.000.000                  | 381960303                      |
| 3  | Đỗ Văn Hữu                                                 | 9                   | Đỗ Thành Hưng                   | 15/08/2020                     | Trần Thị Hiền        | 352230815                                        | 1.000.000                  | 363674126                      |
| 4  | Nguyễn Thị Huệ                                             | 14                  | Nguyễn Quốc Sơn                 | 25/04/2019                     | Nguyễn Văn Tâm       | 334751465                                        | 1.000.000                  | 352337025                      |
| 5  | Nguyễn Thị Mơ                                              | 17                  | Vũ Thị Thanh Vân                | 09/10/2018                     | Vũ Văn Hiệu          | 31854172                                         | 1.000.000                  | 37190004430                    |
| 6  | Nguyễn Thị Ánh Xuân                                        | 19                  | Cao Thiên Bảo                   | 16/11/2015                     | Cao Thanh Thuận      | 194409340                                        | 1.000.000                  | 44196001990                    |
| 7  | Nguyễn Thị Bích Thảo                                       | 25                  | Nguyễn Huệ Thiện                | 13/02/2016                     | Đinh Nguyễn Vũ       | 164513804                                        | 1.000.000                  | 363743167                      |



| III Hỗ trợ người lao động đang mang thai |                       |                     |  |  |  | 2.000.000                  |                              |
|------------------------------------------|-----------------------|---------------------|--|--|--|----------------------------|------------------------------|
| STT                                      | Họ và tên             | Số thứ tự tại mục I |  |  |  | Số tiền hỗ trợ (BVT: đồng) | Số CMT/thẻ căn cước công dân |
| 1                                        | Võ Thị Thông          | 5                   |  |  |  | 1.000.000                  | 212282146                    |
| 2                                        | Nguyễn Thị Ánh Nguyệt | 11                  |  |  |  | 1.000.000                  | 044199001631                 |
| TỔNG CỘNG (I) + (II) + (III)             |                       |                     |  |  |  | 38.000.000                 |                              |

Tổng số tiền hỗ trợ: 38.000.000 đồng  
(Ba mươi tám triệu đồng chẵn)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Sơn Hùng



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19  
CỦA CÔNG TY TNHH OT MOTOR VINA, HUYỆN NHƠN TRẠCH**  
(Đính kèm theo Quyết định số **3729** /QĐ-UBND ngày **02** tháng **10** năm 2021 của UBND tỉnh)

| TT                                 | Họ và tên       | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Số sổ bảo hiểm | Thời gian ngừng việc |                    | Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng) | Số CMND/ thẻ căn cước công dân |
|------------------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------|----------------|----------------------|--------------------|----------------------------|--------------------------------|
|                                    |                 |                                 |                        |                | Từ ngày tháng năm    | Đến ngày tháng năm |                            |                                |
| I Hỗ trợ người lao động ngừng việc |                 |                                 |                        |                |                      |                    |                            |                                |
| 1                                  | Nguyễn Văn Thâu | Casting                         | Xác định thời hạn      | 7408250903     | 01/08/2021           | 20/09/2021         | 1.000.000                  | 381087462                      |
| 2                                  | Danh Minh Hiếu  | Casting                         | Xác định thời hạn      | 9422418018     | 01/08/2021           | 20/09/2021         | 1.000.000                  | 366140766                      |
| 3                                  | Nguyễn Hữu Tài  | Casting                         | Xác định thời hạn      | 9615004621     | 01/08/2021           | 20/09/2021         | 1.000.000                  | 381625114                      |
| 4                                  | Đinh Ngọc Tuấn  | Casting                         | Xác định thời hạn      | 7516033457     | 01/08/2021           | 20/09/2021         | 1.000.000                  | 044092004347                   |

|    |                  |           |                   |            |            |            |           |           |
|----|------------------|-----------|-------------------|------------|------------|------------|-----------|-----------|
| 5  | Lê Ngọc Anh      | Casting   | Xác định thời hạn | 8925365289 | 01/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 352562944 |
| 6  | Lý Văn Tử        | Casting   | Xác định thời hạn | 6623426521 | 01/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 241735890 |
| 7  | Nguyễn Văn Hòa   | Casting   | Xác định thời hạn | 7510193230 | 12/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 341464592 |
| 8  | Lê Thanh Bảo     | Casting   | Xác định thời hạn | 7513198949 | 12/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 366033777 |
| 9  | Lê Hồ Vũ Khánh   | Casting   | Xác định thời hạn | 7513197173 | 07/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 271878063 |
| 10 | Ngô Văn Dữ       | Casting   | Xác định thời hạn | 7510142034 | 07/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 371273122 |
| 11 | Võ Văn Cảnh      | Casting   | Xác định thời hạn | 7516156178 | 12/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 352533941 |
| 12 | Nguyễn Chí Thành | Casting   | Xác định thời hạn | 9622918650 | 07/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 381948658 |
| 13 | Đặng Thị Thi     | Deburring | Xác định thời hạn | 7516141089 | 01/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 381315340 |
| 14 | Phạm Bé Sáu      | Deburring | Xác định thời hạn | 7516141085 | 01/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 381620694 |



|    |                  |           |                   |            |            |            |           |           |
|----|------------------|-----------|-------------------|------------|------------|------------|-----------|-----------|
| 15 | Tô Quốc Điền     | Deburring | Xác định thời hạn | 9621472436 | 01/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 381100721 |
| 16 | Sú Lộc Mùi       | Deburring | Xác định thời hạn | 7510050258 | 01/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 271968359 |
| 17 | Nguyễn Thị Xoan  | Deburring | Xác định thời hạn | 7512158576 | 01/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 183706879 |
| 18 | Lê Thị Nở        | Deburring | Xác định thời hạn | 8924759648 | 01/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 352297497 |
| 19 | Nguyễn Thị Đưa   | Deburring | Xác định thời hạn | 8224161850 | 01/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 312443085 |
| 20 | Kiều Thị Anh Thư | Deburring | Xác định thời hạn | 7516129300 | 01/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 261372463 |
| 21 | Đặng Thị Linh    | Deburring | Xác định thời hạn | 7511054227 | 01/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 352281805 |
| 22 | Phạm Thị Ngọc    | Deburring | Xác định thời hạn | 9521067335 | 01/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 385598138 |
| 23 | Võ Thị Hiếu      | Deburring | Xác định thời hạn | 7514199499 | 01/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 271637858 |
| 24 | Phạm Thị Thương  | Deburring | Xác định thời hạn | 7910057258 | 01/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 024984824 |

|    |                      |           |                   |            |            |            |           |           |
|----|----------------------|-----------|-------------------|------------|------------|------------|-----------|-----------|
| 25 | Phạm Thị Diễm        | Deburring | Xác định thời hạn | 9123499795 | 01/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 371633428 |
| 26 | Trịnh Thị Thanh Hiền | Deburring | Xác định thời hạn | 7525763769 | 01/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 272861346 |
| 27 | Đặng Thị Ngoan       | Deburring | Xác định thời hạn | 7515146009 | 01/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 371791640 |
| 28 | Đinh Thị Hiền        | Deburring | Xác định thời hạn | 4217654550 | 01/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 183785571 |
| 29 | Lê Thị Khuya         | Deburring | Xác định thời hạn | 9123878790 | 01/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 372078734 |
| 30 | Phan Văn Được        | Deburring | Xác định thời hạn | 7516138450 | 01/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 381620693 |
| 31 | Nguyễn Thị Tuyên     | Deburring | Xác định thời hạn | 7515145647 | 01/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 385391334 |
| 32 | Huỳnh Ngọc Non       | Deburring | Xác định thời hạn | 7516163980 | 01/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 271260039 |
| 33 | Vi Thị Ngà           | Deburring | Xác định thời hạn | 6623875712 | 01/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 240997012 |
| 34 | Huỳnh Văn Mới        | Deburring | Xác định thời hạn | 9621449048 | 01/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 381135308 |



|    |                        |                       |                   |            |            |            |           |              |
|----|------------------------|-----------------------|-------------------|------------|------------|------------|-----------|--------------|
| 35 | Phạm Văn Lùng          | Deburring             | Xác định thời hạn | 7516163110 | 01/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 381674741    |
| 36 | Huỳnh Thị Thủy Yên     | Deburring             | Xác định thời hạn | 8223468430 | 07/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 082194000206 |
| 37 | Đặng Thùy Linh         | Deburring             | Xác định thời hạn | 7515144336 | 12/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 371867868    |
| 38 | Phạm Thị Thủy          | HR-3                  | Xác định thời hạn | 7525812402 | 01/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 271091162    |
| 39 | Nguyễn Thị Tuyết Nhung | HR-3                  | Xác định thời hạn | 7515144460 | 01/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 272771176    |
| 40 | Nguyễn Duy Danh        | Maintenance & Utility | Xác định thời hạn | 7911262515 | 01/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 233062220    |
| 41 | Nguyễn Anh Sơn         | Maintenance & Utility | Xác định thời hạn | 7516073436 | 01/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 272923813    |
| 42 | Ngô Văn Dàng           | Production Control    | Xác định thời hạn | 7511008306 | 07/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 371536284    |
| 43 | Trần Minh Khánh        | Quality Control       | Xác định thời hạn | 6622972938 | 01/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 241635557    |
| 44 | Ứng Thị Trinh          | Quality Control       | Xác định thời hạn | 7514191388 | 01/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000 | 352357843    |

|    |                                                            |                 |                   |            |            |            |                   |              |
|----|------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------|------------|------------|------------|-------------------|--------------|
| 45 | Nguyễn Thị Lý                                              | Quality Control | Xác định thời hạn | 7510099529 | 12/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000         | 371397373    |
| 46 | Nguyễn Thị Thanh Triều                                     | Trimming        | Xác định thời hạn | 9622267813 | 01/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000         | 381333477    |
| 47 | Nguyễn Văn Núi                                             | Trimming        | Xác định thời hạn | 7510198726 | 12/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000         | 380862937    |
| 48 | Nguyễn Văn Thành                                           | Trimming        | Xác định thời hạn | 7511096920 | 07/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000         | 341629506    |
| 49 | Đặng Văn Tuấn                                              | Trimming        | Xác định thời hạn | 7515144773 | 01/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000         | 371714288    |
| 50 | Đặng Văn Sự                                                | Trimming        | Xác định thời hạn | 7508218354 | 01/08/2021 | 02/09/2021 | 1.000.000         | 271699778    |
| 51 | Lê Hoàng Phim                                              | Mold (making)   | Xác định thời hạn | 9321364970 | 07/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000         | 363855985    |
| 52 | Lê Chí Thanh                                               | Mold (making)   | Xác định thời hạn | 9221507756 | 07/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000         | 092097000605 |
| 53 | Trần Bá Mão                                                | Mold (making)   | Xác định thời hạn | 7511036123 | 07/08/2021 | 20/09/2021 | 1.000.000         | 276055376    |
| II | <b>Hỗ trợ người lao động đang nuôi con để dưới 06 tuổi</b> |                 |                   |            |            |            | <b>11.000.000</b> |              |

| TT | Họ và tên        | Số thứ tự tại<br>mục I | Họ và tên trẻ em<br>chưa đủ 6 tuổi | Ngày tháng<br>năm sinh của<br>trẻ em | Họ tên vợ<br>hoặc chồng | Số CMND/<br>thẻ căn cước<br>công dân của<br>vợ hoặc chồng | Số tiền<br>hỗ trợ<br>(ĐVT: đồng) | Số CMND/<br>thẻ căn cước<br>công dân |
|----|------------------|------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------|
| 1  | Đặng Thị Linh    | 21                     | Trần Diệp Thiên<br>Thanh           | 27/01/2020                           | Trần Thành<br>Long      | 341683171                                                 | 1.000.000                        | 352281805                            |
| 2  | Ngô Văn Dữ       | 10                     | Ngô Hoàng Dũng                     | 05/01/2019                           | Bùi Thúy Hằng           | 371986633                                                 | 1.000.000                        | 371273122                            |
| 3  | Đặng Thùy Linh   | 37                     | Nguyễn Đăng Lan<br>Hương           | 23/09/2019                           | Nguyễn Kha Ly           | 385731235                                                 | 1.000.000                        | 371867868                            |
| 4  | Định Thị Hiền    | 28                     | Đinh Võ Hoàng<br>Anh               | 14/03/2018                           |                         |                                                           | 1.000.000                        | 183785571                            |
| 5  | Kiều Thị Anh Thư | 20                     | Ngô Kiều Nhật Vy                   | 02/06/2019                           | Ngô Tấn Đạt             | 371752572                                                 | 1.000.000                        | 261372463                            |
|    |                  |                        | Ngô Gia Phát                       | 31/01/2018                           |                         |                                                           | 1.000.000                        |                                      |
| 6  | Lê Thị Nở        | 18                     | Bùi Lê Hồng Hạnh                   | 11/09/2018                           | Bùi Thi Phú             | 351878643                                                 | 1.000.000                        | 352297497                            |
|    |                  |                        | Bùi Lê Hữu Trọng                   | 18/07/2016                           |                         |                                                           | 1.000.000                        |                                      |
| 7  | Phạm Thị Diễm    | 25                     | Huỳnh Thị Ngọc<br>Diễm             | 08/10/2016                           | Huỳnh Văn Sinh          | 371615287                                                 | 1.000.000                        | 371633428                            |

|                                     |                                             |                            |                     |            |                    |             |                                   |                                     |
|-------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------|---------------------|------------|--------------------|-------------|-----------------------------------|-------------------------------------|
| 8                                   | Lê Chí Thanh                                | 52                         | Lê Huỳnh Khánh Ngân | 20/05/2018 | Huỳnh Thị Thúy Yên | 82194000206 | 1.000.000                         | 92097000605                         |
| 9                                   | Ứng Thị Trinh                               | 44                         | Đỗ Ứng Thi          | 04/01/2019 | Đỗ Văn Hào         | 352011935   | 1.000.000                         | 352357843                           |
| <b>III</b>                          | <b>Hỗ trợ người lao động đang mang thai</b> |                            |                     |            |                    |             |                                   |                                     |
| <b>STT</b>                          | <b>Họ và tên</b>                            | <b>Số thứ tự tại mục I</b> |                     |            |                    |             | <b>Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)</b> | <b>Số CMT/thẻ căn cước công dân</b> |
| 1                                   | Ứng Thị Trinh                               | 44                         |                     |            |                    |             | 1.000.000                         | 352357843                           |
| <b>TỔNG CỘNG (I) + (II) + (III)</b> |                                             |                            |                     |            |                    |             | <b>65.000.000</b>                 |                                     |

**Tổng số tiền hỗ trợ: 65.000.000 đồng**  
(Sáu mươi lăm triệu đồng chẵn)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



*(Handwritten signature in blue ink)*

**Nguyễn Sơn Hùng**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19  
CỦA CÔNG TY TNHH VIỆT NAM HILONG TECH, HUYỆN NHƠN TRẠCH**  
*(Đính kèm theo Quyết định số 8729 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh)*

| TT | Họ và tên                        | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động           | Số sổ bảo hiểm | Thời gian ngừng việc |                    | Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng) | Số CMND/ thẻ căn cước công dân |
|----|----------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|----------------|----------------------|--------------------|----------------------------|--------------------------------|
|    |                                  |                                 |                                  |                | Từ ngày tháng năm    | Đến ngày tháng năm |                            |                                |
| I  | Hỗ trợ người lao động ngừng việc |                                 |                                  |                |                      |                    | 24.000.000                 |                                |
| 1  | Trần Thị Thùy Linh               | Bộ phận gọt ba vó               | Hợp đồng không xác định thời hạn | 7513027322     | 22/07/2021           | 15/09/2021         | 1.000.000                  | 272375839                      |
| 2  | Phùng Văn Toàn                   | Bộ phận gọt ba vó               | Hợp đồng không xác định thời hạn | 7510187843     | 22/07/2021           | 15/09/2021         | 1.000.000                  | 381483641                      |
| 3  | Phùng Bé Năm                     | Bộ phận gọt ba vó               | Hợp đồng không xác định thời hạn | 9622664593     | 22/07/2021           | 15/09/2021         | 1.000.000                  | 381105016                      |
| 4  | Tào Thị Ngọc Giàu                | Bộ phận gọt ba vó               | Hợp đồng không xác định thời hạn | 8925606851     | 22/07/2021           | 15/09/2021         | 1.000.000                  | 351874071                      |

| TT | Họ và tên          | Phòng, ban,<br>phân xưởng<br>làm việc | Loại hợp đồng<br>lao động           | Số sổ bảo<br>hiểm | Thời gian ngừng việc |                       | Số tiền<br>hỗ trợ<br>(ĐVT: đồng) | Số CMND/<br>thẻ căn cước<br>công dân |
|----|--------------------|---------------------------------------|-------------------------------------|-------------------|----------------------|-----------------------|----------------------------------|--------------------------------------|
|    |                    |                                       |                                     |                   | Từ ngày<br>tháng năm | Đến ngày<br>tháng năm |                                  |                                      |
| 5  | Đỗ Thị Khuyên      | Bộ phận gọt<br>ba vớ                  | Hợp đồng không<br>xác định thời hạn | 9522114690        | 22/07/2021           | 15/09/2021            | 1.000.000                        | 385660015                            |
| 6  | Vòng Luân Tài      | Bộ phận ráp<br>khuôn                  | Hợp đồng không<br>xác định thời hạn | 7516122127        | 22/07/2021           | 15/09/2021            | 1.000.000                        | 272590646                            |
| 7  | Nguyễn Hồng Mơ     | Bộ phận gọt<br>ba vớ                  | Hợp đồng không<br>xác định thời hạn | 7514191445        | 22/07/2021           | 15/09/2021            | 1.000.000                        | 381629349                            |
| 8  | Trần Thị Kiều Thúy | Bộ phận gọt<br>ba vớ                  | Hợp đồng không<br>xác định thời hạn | 9422817684        | 22/07/2021           | 15/09/2021            | 1.000.000                        | 365535796                            |
| 9  | Trần Thị Cháp      | Bộ phận gọt<br>ba vớ                  | Hợp đồng không<br>xác định thời hạn | 8723322820        | 22/07/2021           | 15/09/2021            | 1.000.000                        | 341372281                            |
| 10 | Nguyễn Thị Kiều    | Bộ phận gọt<br>ba vớ                  | Hợp đồng không<br>xác định thời hạn | 8724027883        | 22/07/2021           | 15/09/2021            | 1.000.000                        | 341279721                            |
| 11 | Cao Thị Bé         | Bộ phận gọt<br>ba vớ                  | Hợp đồng<br>xác định thời hạn       | 4420126534        | 22/07/2021           | 15/09/2021            | 1.000.000                        | 194622468                            |
| 12 | Mai Thị Bé         | Bộ phận gọt<br>ba vớ                  | Hợp đồng<br>xác định thời hạn       | 7516161350        | 22/07/2021           | 15/09/2021            | 1.000.000                        | 364058239                            |
| 13 | Cao Thị Kim Cương  | Bộ phận gọt<br>ba vớ                  | Hợp đồng<br>xác định thời hạn       | 4420150489        | 22/07/2021           | 15/09/2021            | 1.000.000                        | 044186003029                         |



| TT | Họ và tên            | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động           | Số sổ bảo hiểm | Thời gian ngừng việc |                    | Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng) | Số CMND/ thẻ căn cước công dân |
|----|----------------------|---------------------------------|----------------------------------|----------------|----------------------|--------------------|----------------------------|--------------------------------|
|    |                      |                                 |                                  |                | Từ ngày tháng năm    | Đến ngày tháng năm |                            |                                |
| 14 | Nguyễn Bá Tú         | Bộ phận đồ liệu                 | Hợp đồng xác định thời hạn       | 4025198223     | 22/07/2021           | 15/09/2021         | 1.000.000                  | 187595484                      |
| 15 | Đinh Thị Liễu        | Bộ phận gọt ba vớ               | Hợp đồng xác định thời hạn       | 7516157233     | 01/08/2021           | 15/09/2021         | 1.000.000                  | 044185001658                   |
| 16 | Bùi Vũ Linh          | Bộ phận ráp khuôn               | Hợp đồng không xác định thời hạn | 8724073581     | 16/08/2021           | 15/09/2021         | 1.000.000                  | 341206729                      |
| 17 | Nguyễn Thị Kiều Oanh | Bộ phận kho                     | Hợp đồng không xác định thời hạn | 4707110700     | 16/08/2021           | 15/09/2021         | 1.000.000                  | 271855052                      |
| 18 | Lý Cảnh Sánh         | Bộ phận lái xe nâng             | Hợp đồng không xác định thời hạn | 7514177310     | 16/08/2021           | 15/09/2021         | 1.000.000                  | 271639408                      |
| 19 | Danh Trường Giang    | Bộ phận trộn liệu               | Hợp đồng không xác định thời hạn | 9521684600     | 16/08/2021           | 15/09/2021         | 1.000.000                  | 385687832                      |
| 20 | Huỳnh Thị Ngọc Trân  | Bộ phận gọt ba vớ               | Hợp đồng xác định thời hạn       | 7516135101     | 16/08/2021           | 15/09/2021         | 1.000.000                  | 352573801                      |
| 21 | Lương Trọng Huy      | Bộ phận gọt ba vớ               | Hợp đồng xác định thời hạn       | 7516137272     | 16/08/2021           | 15/09/2021         | 1.000.000                  | 381920881                      |
| 22 | Trần Thu Trang       | Bộ phận chất lượng              | Hợp đồng xác định thời hạn       | 7516159249     | 16/08/2021           | 15/09/2021         | 1.000.000                  | 352161718                      |

| TT         | Họ và tên                                                  | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động          | Số sổ bảo hiểm                 | Thời gian ngừng việc |                                                  | Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng) | Số CMND/ thẻ căn cước công dân |
|------------|------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|----------------------|--------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------|
|            |                                                            |                                 |                                 |                                | Từ ngày tháng năm    | Đến ngày tháng năm                               |                            |                                |
| 23         | Cao Tiến Tinh                                              | Bộ phận kho                     | Hợp đồng xác định thời hạn      | 4420132598                     | 16/08/2021           | 15/09/2021                                       | 1.000.000                  | 194486969                      |
| 24         | Lượng Hoàng Khải                                           | Bộ phận kho                     | Hợp đồng xác định thời hạn      | 7516141414                     | 01/09/2021           | 15/09/2021                                       | 1.000.000                  | 381825546                      |
| <b>II</b>  | <b>Hỗ trợ người lao động đang nuôi con đẻ dưới 06 tuổi</b> |                                 |                                 |                                |                      |                                                  |                            |                                |
| 1          | Trần Thị Thùy Linh                                         | 1                               | Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi | Ngày tháng năm sinh của trẻ em | Họ tên vợ hoặc chồng | Số CMND/ thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng | Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng) | Số CMND/ thẻ căn cước công dân |
| 2          | Đỗ Thị Khuyên                                              | 5                               | Võ Thành Nhân                   | 21/08/2015                     | Võ Tấn Lợi           | 272233944                                        | 1.000.000                  | 272375839                      |
| 3          | Trần Thị Cháp                                              | 9                               | Huỳnh Thị Thủy Huyền            | 18/12/2015                     | Huỳnh Văn Quét       | 363671258                                        | 1.000.000                  | 385660015                      |
| 4          | Nguyễn Thị Kiều                                            | 10                              | Nguyễn Thành Dinh               | 17/05/2016                     | Nguyễn Minh Tín      | 341434658                                        | 1.000.000                  | 341372281                      |
| <b>III</b> | <b>Hỗ trợ người lao động đang mang thai</b>                |                                 |                                 |                                |                      |                                                  |                            |                                |
|            |                                                            |                                 |                                 |                                |                      |                                                  | <b>2.000.000</b>           |                                |



| TT                           | Họ và tên          | Phòng, ban,<br>phân xưởng<br>làm việc | Loại hợp đồng<br>lao động | Số sổ bảo<br>hiểm | Thời gian ngừng việc |                       | Số tiền<br>hỗ trợ<br>(ĐVT: đồng) | Số CMND/<br>thẻ căn cước<br>công dân |
|------------------------------|--------------------|---------------------------------------|---------------------------|-------------------|----------------------|-----------------------|----------------------------------|--------------------------------------|
|                              |                    |                                       |                           |                   | Từ ngày<br>tháng năm | Đến ngày<br>tháng năm |                                  |                                      |
| STT                          | Họ và tên          | Số thứ tự<br>tại mục I                |                           |                   |                      |                       | Số tiền<br>hỗ trợ<br>(ĐVT: đồng) | Số CMT/thẻ<br>căn cước<br>công dân   |
| 1                            | Trần Thị Thùy Linh | 1                                     |                           |                   |                      |                       | 1.000.000                        | 272375839                            |
| 2                            | Nguyễn Hồng Mơ     | 7                                     |                           |                   |                      |                       | 1.000.000                        | 381629349                            |
| TỔNG CỘNG (I) + (II) + (III) |                    |                                       |                           |                   |                      |                       |                                  |                                      |
|                              |                    |                                       |                           |                   |                      |                       |                                  | 30.000.000                           |

Tổng số tiền hỗ trợ: 30.000.000 đồng  
(Ba mươi triệu đồng chẵn)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**



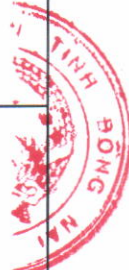
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19  
CỦA CÔNG TY TNHH SEJONG PAPER TUBE VINA, HUYỆN NHƠN TRẠCH**  
(Đính kèm theo Quyết định số **3729** /QĐ-UBND ngày **02** tháng **10** năm 2021 của UBND tỉnh)

| TT | Họ và tên                        | Phòng, ban, phân<br>xưởng làm việc | Loại hợp đồng<br>lao động | Số sổ bảo hiểm | Thời gian ngừng việc |                       | Số tiền<br>hỗ trợ<br>(ĐVT: đồng) | Số CMND/<br>thẻ căn cước<br>công dân |
|----|----------------------------------|------------------------------------|---------------------------|----------------|----------------------|-----------------------|----------------------------------|--------------------------------------|
|    |                                  |                                    |                           |                | Từ ngày<br>tháng năm | Đến ngày<br>tháng năm |                                  |                                      |
| I  | Hỗ trợ người lao động ngừng việc |                                    |                           |                |                      |                       | 7.000.000                        |                                      |
| 1  | Lê Thành Trung                   | Sản xuất                           | Xác định thời hạn         | 7516005398     | 01/08/2021           | 15/09/2021            | 1.000.000                        | 271746794                            |
| 2  | Đặng Nguyễn Quốc<br>Thắng        | Sản xuất                           | Xác định thời hạn         | 7525350958     | 01/08/2021           | 15/09/2021            | 1.000.000                        | 272674661                            |
| 3  | Nguyễn Hùng Cường                | Sản xuất                           | Xác định thời hạn         | 7526495654     | 01/08/2021           | 15/09/2021            | 1.000.000                        | 272485278                            |
| 4  | Lưu Văn Bớt                      | Sản xuất                           | Xác định thời hạn         | 8924176466     | 01/08/2021           | 15/09/2021            | 1.000.000                        | 350960778                            |

|                                                               |                  |                     |                                 |                                |                        |                                                  |                            |                                |
|---------------------------------------------------------------|------------------|---------------------|---------------------------------|--------------------------------|------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------|
| 5                                                             | Nguyễn Nuyn      | Sản xuất            | Xác định thời hạn               | 7509035008                     | 01/08/2021             | 15/09/2021                                       | 1.000.000                  | 221167305                      |
| 6                                                             | Nguyễn Văn Long  | Sản xuất            | Xác định thời hạn               | 7508059046                     | 01/08/2021             | 15/09/2021                                       | 1.000.000                  | 271746794                      |
| 7                                                             | Bùi Ngọc Hà      | Tạp vụ              | Xác định thời hạn               | 7508252842                     | 01/08/2021             | 15/09/2021                                       | 1.000.000                  | 271931677                      |
| <b>II Hỗ trợ người lao động đang nuôi con đẻ dưới 06 tuổi</b> |                  |                     |                                 |                                |                        |                                                  |                            |                                |
| TT                                                            | Họ và tên        | Số thứ tự tại mục I | Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi | Ngày tháng năm sinh của trẻ em | Họ tên vợ hoặc chồng   | Số CMND/ thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng | Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng) | Số CMND/ thẻ căn cước công dân |
| 1                                                             | Nguyễn Nuyn      | 5                   | Nguyễn Hoàng Ân                 | 25/12/2015                     | Nguyễn Thị Nhường      | 221445203                                        | 1.000.000                  | 221167305                      |
| 2                                                             | Nguyễn Văn Long  | 6                   | Nguyễn Ngọc thảo Nguyên         | 04/04/2016                     | Nguyễn thị Thanh Triều | 272055354                                        | 1.000.000                  | 271746794                      |
| 3                                                             | Nguyễn Văn Long  | 6                   | Nguyễn Ngọc thảo Linh           | 04/11/2017                     | Nguyễn thị Thanh Triều | 272055354                                        | 1.000.000                  | 271746794                      |
| 4                                                             | Nguyễn Văn Cường | 3                   | Nguyễn Đăng Khôi                | 17/07/2021                     | Võ Ngọc Uyên           | 272553158                                        | 1.000.000                  | 272485278                      |

|                      |                |   |               |            |                |           |            |           |
|----------------------|----------------|---|---------------|------------|----------------|-----------|------------|-----------|
| 5                    | Lê Thành Trung | 1 | Lê Thành Long | 19/02/2019 | Lê Thị Mỹ Hạnh | 272485292 | 1.000.000  | 271746794 |
| TỔNG CỘNG (I) + (II) |                |   |               |            |                |           | 12.000.000 |           |



Tổng số tiền hỗ trợ: 12.000.000 đồng  
(Mười hai triệu đồng chẵn)



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH  
Nguyễn Sơn Hùng